

NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

CÁC PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH CỦA TỪ NGHỀ ĐIỀU KHẮC GỖ TRONG TIẾNG KHMER TỈNH TRÀ VINH

NGUYỄN THỊ THOA*

TÓM TẮT: Một số chùa, hộ gia đình ở Trà Vinh đang làm nghề điêu khắc gỗ. Những người làm nghề là các sư trong chùa và các nghệ nhân. Những từ nghề nghiệp thuộc nghề điêu khắc gỗ được định danh theo nhiều phương thức khác nhau: định danh dụng cụ theo hình dạng, chức năng, phương thức sử dụng; định danh họa tiết theo vật được tạo tác, theo xuất xứ, vay mượn tên của ngôn ngữ khác. Vì thế, từ nghề điêu khắc trong tiếng Khmer Trà Vinh là một lớp từ thú vị và có giá trị biểu đạt rất cao, đáng được nghiên cứu để được phổ biến rộng hơn, góp phần bổ sung vào tiếng Khmer chung.

TỪ KHÓA: từ nghề nghiệp; điêu khắc gỗ; phương thức định danh; Trà Vinh; chùa Hang; chùa Bà Mi.

NHẬN BÀI: 11/12/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/01/2024

1. Đặt vấn đề

Trong mỗi ngôn ngữ, bên cạnh lớp từ toàn dân được sử dụng trên phạm vi cả nước, toàn dân tộc, các từ nghề nghiệp, phương ngữ, thuật ngữ khoa học lại có phạm vi sử dụng hẹp hơn. Thuật ngữ khoa học giới hạn trong lĩnh vực khoa học, nhóm chuyên môn; phương ngữ giới hạn ở phạm vi địa lý hoặc một nhóm người nào đó; từ nghề nghiệp cũng được giới hạn trong một nhóm người thuộc cùng một nghề nghiệp. Do đó, nếu các từ địa phương, các từ nghề nghiệp được mở rộng phạm vi sử dụng, tức được phổ biến rộng để nhiều người biết đến và sử dụng khi cần thì các lớp từ này góp phần đáng kể trong việc bổ sung, làm phong phú cho vốn từ toàn dân của mỗi ngôn ngữ. Tiếng Khmer cũng vậy, xét về vốn từ, từ vựng tiếng Khmer so với các ngôn ngữ khác, chưa thật sự đa dạng, phong phú. Việc nghiên cứu các từ ngữ có phạm vi sử dụng hạn chế như từ nghề nghiệp, từ địa phương là rất cần thiết để bổ sung làm giàu thêm cho từ vựng trong tiếng Khmer. Từ nghề điêu khắc trong tiếng Khmer Trà Vinh là một lớp từ thú vị và có giá trị biểu đạt rất cao, đáng được nghiên cứu để được phổ biến rộng hơn, góp phần bổ sung vào tiếng Khmer toàn dân.

2. Khái quát về tỉnh Trà Vinh và nghề điêu khắc ở tỉnh Trà Vinh

Dân số Trà Vinh là 1.009.168 người, chiếm 5,84% Đồng bằng sông Cửu Long (theo điều tra dân số năm 2019), trong đó 17,2% dân số sống ở khu vực đô thị và 82,8% dân số sống ở khu vực nông thôn. Mật độ dân số 414 người/km², tỉ lệ tăng dân số năm 2019 là 0,06 %. Theo tài liệu tổng điều tra dân số ngày 1 tháng 4 năm 1999, trên địa bàn Trà Vinh có trên 290,9 nghìn người Khmer, chiếm 30,1% dân số toàn tỉnh và chiếm 27,6% số người Khmer của cả nước^[2]. Đây là địa bàn cư trú lâu đời của cộng đồng dân tộc người Khmer có nền văn hóa dân tộc đặc trưng về tiếng nói, chữ viết, ẩm thực và đặc biệt là hệ thống chùa rất đặc thù^[2]. Với người Khmer, chùa là trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Theo số liệu được thống kê, tỉnh Trà Vinh có hệ thống chùa Khmer đồ sộ nhất cả nước với 143 ngôi chùa. Một điều đặc biệt là, có rất nhiều ngôi chùa trong số này làm nghề điêu khắc, chạm trổ gỗ. Công việc này do các vị sư tu trong chùa và một số nghệ nhân địa phương thực hiện. Khi vào thăm các ngôi chùa như: chùa Kom Pong Chrây (chùa Hang) ở huyện Châu Thành, chùa Phnô Pring (chùa Cầu Tre) ở ấp Cầu Tre II, xã Long Thới, huyện Tiểu Cần,...quan khách sẽ không khỏi ngạc nhiên đây thán phục trước những tác phẩm điêu khắc tinh xảo được chế tác từ các gốc cây. Hiện nay, một số cơ sở ở ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, một số gia đình nghệ nhân ở cạnh Chùa Hang cũng phát triển nghề điêu khắc gỗ này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thu thập các từ nghề nghiệp của nghề điêu khắc trong tiếng Khmer này, chúng tôi đã đi điền dã đến các chùa Kom Pong Chrây (chùa Hang) ở huyện Châu Thành, chùa Som Nung Thum (chùa Bà Mi) ở ấp Bà Mi, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, các gia đình làm nghề ở ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành (Trà Vinh) để phỏng vấn các sư, các nghệ nhân đang trực tiếp làm nghề điêu khắc. Các câu hỏi phỏng vấn tập trung vào tên gọi của các dụng cụ, các sản phẩm, các hoạt động điêu khắc gỗ.

*Trường Đại học Trà Vinh; Email: thoa020476@tvu.edu.vn

4. Các phương thức định danh

4.1. Định danh công cụ

Việc tạo tác trong nghệ thuật điêu khắc gỗ cần đến các dụng cụ chuyên dụng. Việc gọi tên các dụng cụ này được những người trong nghề thực hiện theo các phương thức khác nhau: có thể gọi tên các dụng cụ theo hình dạng, theo chức năng hoặc theo cách thức sử dụng chúng...

4.1.1. Gọi tên công cụ theo chức năng

Trong nghề điêu khắc gỗ, có dụng cụ được gọi là ពន្លាក់ក្រចក (plonlɨk krɔɔk). Dụng cụ dùng để đục gỗ trong nghề mộc nói chung, tiếng Khmer gọi chung là ពន្លាក់ (plonlɨk). Trong các loại đục này, có một loại mà trong nghề điêu khắc gỗ người ta dùng để tạo tác các họa tiết có dạng hình móng nên nó được gọi là ពន្លាក់ក្រចក (plonlɨk krɔɔk) nghĩa là đục móng. Như vậy, dụng cụ này đã được gọi tên theo chức năng của nó khi tạo tác trong nghề mộc.



ពន្លាក់ក្រចក (plonlɨk krɔɔk)
đục tạo tác hình móng

Khi điêu khắc gỗ, người ta cần tạo tác các họa tiết như lông của các con vật. Họa tiết này cần đến loại công cụ chuyên dụng. Dụng cụ này tiếng Khmer cũng gọi là đục. Và để phân biệt với các loại đục khác nhau, người làm nghề điêu khắc đã gọi tên công cụ bằng cách mô tả luôn chức năng tạo tác lông trên các con vật. Cụ thể, nó được gọi là ពន្លាក់សម្រាប់ដាបរោមសត្វ (plonlɨk samreab dab rom sat) nghĩa là đục dùng để tạo lông thú.



ពន្លាក់សម្រាប់ដាបរោមសត្វ
(plonlɨk samreab dab rom sat)
Đục dùng để tạo họa tiết lông thú

Các sản phẩm điêu khắc gỗ sau khi được chế tác chưa có được độ nhẵn, đẹp hoàn hảo, các nghệ nhân phải thực hiện một công đoạn nữa là dùng một công cụ để chà nhẵn sản phẩm. Công cụ đó là loại giấy nhám để khi chà vào gỗ sẽ có tác dụng làm nhẵn gỗ còn sần sùi. Vì chức năng này, giấy nhám ấy được gọi là ក្រដាសខាត់ (krɔdah kʰat). ក្រដា (krɔdah) có nghĩa là giấy, ខាត់ (kʰat) có nghĩa là đánh bóng. ក្រដាសខាត់ (krɔdah kʰat) có nghĩa là giấy dùng để đánh bóng.



ក្រដាសខាត់ (krɔdah kʰat)
giấy dùng để đánh bóng

Gỗ được sử dụng để điêu khắc có khi là một gốc cây to, thân cây to vì vậy rất khó để dùng sức người đào hoặc đốn hạ, di chuyển. Những người làm nghề cần đến một thiết bị hỗ trợ đó là ròng rọc. Trong cấu tạo của ròng rọc gồm phần thân dài nối một đầu là điểm tựa với đầu kia để móc vào vật cần di chuyển. Đầu móc vào vật di chuyển có dây. Theo hình dung của người làm nghề điêu khắc, họ nhìn thấy chiếc ròng rọc này trông giống như một chiếc cần câu nên gọi nó là ប្រដាប់សន្លឹកឈើ (brɔdɔp sɔntɔɔc cʰaɕ), nghĩa là đồ dùng để câu cá. Cách gọi tên này là theo kiểu mô tả một đồ vật theo chức năng của nó: móc vào cây để câu lên hay câu để di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác.



ប្រដាប់សន្លូចឈើ
(brədăb sontoʊc cʰaʔ) ròng rọc di chuyển
gỗ

Khi tạo tác trên mặt gỗ, phần gỗ thừa sẽ được bóc bỏ. Công đoạn này cũng có thiết bị hỗ trợ. Thiết bị này được người trong nghề gọi là ម៉ាស៊ីនខ្វះក្បាច់ (msin kʰβiʔl kbəc) có nghĩa là máy bóc họa tiết (ម៉ាស៊ីន (msin) - máy; ខ្វះ (kʰβiʔl) - móc; ក្បាច់ (kbəc) - họa tiết).



ម៉ាស៊ីនខ្វះក្បាច់
(msin kʰβiʔl kbəc)
máy bóc phần gỗ thừa

Hai tên gọi ឈាវ ឡៀល (ana βiʔl) và ដែកកៀប (dek kʰiʔp) cũng được định danh theo phương thức này. ឈាវ ឡៀល (ana βiʔl) là công cụ được dùng để cưa gỗ theo đường vòng. Trong tiếng Khmer, ឈាវ (ana) có nghĩa là cái cưa, ឡៀល (βiʔl) có nghĩa là chỉ hoạt động thực hiện theo đường xoắn ốc. Còn ដែកកៀប (dek kʰiʔp) là dụng cụ dùng để kẹp giữ gỗ cho vững khi điêu khắc. Trong ដែកកៀប (dek kʰiʔp), ដែក (dek) nghĩa là thanh sắt, កៀប (kʰiʔp) có nghĩa là kẹp.

4.1.2. Gọi tên công cụ theo chức năng kết hợp kích thước

Hai dụng cụ dùng để đục khắc có tên gọi là ពន្លាក់ស្មើធំ (ponliək kbəŋ smaʔ tʰom) và ពន្លាក់ស្មើតូច (ponliək kbəŋ smaʔ toc). Như trên đã nói, ពន្លាក់ (ponleak) là dụng cụ đục nói chung. Dụng cụ này được dùng để làm bằng phẳng các mặt gỗ lồi lõm. Với chức năng này, nó được gọi là ពន្លាក់ស្មើ (ponleak smea), tức đục bằng phẳng (làm cho bằng phẳng). Mặt khác, loại đục có chức năng này gồm hai kích cỡ, để phân biệt, người ta gọi ពន្លាក់ស្មើធំ (ponliək kbəŋ smaʔ tʰom) - nghĩa là đục làm cho bằng phẳng cỡ lớn và ពន្លាក់ស្មើតូច (ponliək kbəŋ smaʔ toc) - đục làm cho bằng phẳng cỡ nhỏ. ធំ (thom), តូច (tauch) trong tiếng Khmer có nghĩa là “lớn”, “nhỏ”. Cách gọi này là sự kết hợp giữa chức năng làm phẳng ស្មើ (smaʔ) và từ chỉ kích thước của dụng cụ ធំ (tʰom - lớn), តូច (toc - nhỏ).



ពន្លាក់ស្មើធំ (ponliək kbəŋ smaʔ tʰom)
 đục làm phẳng lớn



ពន្លាក់ស្មើតូច (ponliək kbəŋ smaʔ toc)
 đục làm phẳng nhỏ

4.1.3. Gọi tên công cụ theo hình dạng

Nghề điêu khắc gỗ sử dụng dụng cụ đục rất nhiều. Vì vậy có nhiều loại đục với nhiều hình dạng, kích thước khác nhau. Để phân biệt các loại đục, có khi, những người trong nghề dựa vào chức năng, kích thước

của từng loại để đặt tên cho nó. Nhưng có khi, các loại đục được đặt tên dựa vào đặc điểm về hình dáng của nó.

Trong điều khắc gỗ, có những họa tiết dạng lõm. Các họa tiết này được tạo bởi một loại dụng cụ chuyên dụng. Loại dụng cụ này có mũi bầu, không bằng phẳng, trong nghề điêu khắc tiếng Khmer gọi là ពន្លាក់ក្បង (ponliak kbong). ក្បង (kbong) trong tiếng Khmer có nghĩa là dáng bàn tay lật ngửa, các ngón tay xếp sát lại với nhau, co lại thành hình vòng để hứng, hoặc chứa một thứ gì đó. Loại đục có dạng bầu như thế nên được gọi là ពន្លាក់ក្បង (ponliak kbong).



ពន្លាក់ក្បង
(ponliak kbong)
đục bầu

Tùy vào họa tiết cần tạo tác, nghệ nhân sẽ cần đến loại đục có mũi bầu này hay một loại đục khác có mũi bằng phẳng. Để phân biệt loại đục mũi phẳng với đục mũi bầu, người ta gọi đục mũi phẳng là ពន្លាក់មុខលឿ (ponliak mouk li). Thật ra, cả hai cách gọi tên này đều được ẩn dụ theo kiểu mô phỏng hình dáng của bàn tay. Với hình dáng bàn tay co hình vòng thì gọi là ក្បង (kbong), còn nếu hình dáng bàn tay ở thế các ngón tay được duỗi thẳng ra như bàn tay đang xòe thì tiếng Khmer gọi là ពន្លាក់មុខលឿ (li). Vì vậy, đục mũi phẳng được gọi là ពន្លាក់មុខលឿ (ponliak mouk li), tức đục mũi xòe (mũi xòe ra nên mới có dáng bằng phẳng).

Một loại đục khác có mũi nhọn (dùng để tạo tác các họa tiết có hình chóp nhọn) được gọi là ពន្លាក់ស្រួច (ponliak sruoc). Tên gọi này được đặt tên hình dáng của vật. Vì ពន្លាក់ (ponliak) nghĩa là đục, ស្រួច (sruoc) có nghĩa là nhọn. ពន្លាក់ស្រួច (ponliak sruoc) có nghĩa là đục nhọn, tức cái đục có mũi nhọn.

4.1.4. Gọi tên công cụ theo phương thức tạo tác

Trong điêu khắc, có các phương thức tạo tác khác nhau: có phương thức tạo tác theo đường thẳng đứng, theo đường xiên, theo đường ngang, nông hoặc sâu... và đi kèm theo đó là các công cụ để thực hiện. Các công cụ này có khi cũng được đặt tên theo phương thức tạo tác của người sử dụng. Chẳng hạn, trong tạo tác, nghệ nhân cần đục sâu vào thân gỗ dùng để tạo tác theo phương thẳng đứng, dụng cụ dùng để đục đó được gọi là ពន្លាក់ត្រង់ (ponliak t'rong), tức đục thẳng.



ពន្លាក់ត្រង់ (ponliak t'rong): đục thẳng

4.1.5. Gọi tên công cụ theo phương thức sử dụng

Trong nghề mộc nói chung và nghề điêu khắc gỗ nói riêng, có một thứ dụng cụ không thể thiếu được đó là thước. Người thợ, nghệ nhân cần đến thước để đo đạc. Trong các loại thước đo, có một thước trong nghề điêu khắc được tiếng Khmer gọi là បន្ទាត់ទាញ (bantot t'ang). Thước này là loại thước dây dài, được cuộn tròn gọn gàng lại khi không sử dụng và khi cần sử dụng thì kéo ra. បន្ទាត់ (bantot) trong tiếng Khmer có nghĩa là thước, ទាញ (t'ang) có nghĩa là kéo ra. Như vậy, tên gọi này được người ta đặt theo cách nó được sử dụng.



បន្ទាត់ទាញ (bantot tɔɲ)
thước kéo

4.1.6. Vay mượn tên của ngôn ngữ khác

Về cơ bản, các từ nghề nghiệp thường là từ bản ngữ của một ngôn ngữ nào đó. Tuy nhiên, đối với từ nghề điêu khắc gỗ tại các chùa, hộ gia đình ở Trà Vinh, có thể do mới được phát triển gần đây nên có sử dụng một số thiết bị công nghệ, theo đó, tên gọi của các thiết bị này cũng không được đặt riêng mà gọi theo tên gốc của chúng. Cụ thể, compa - một dụng cụ được dùng để vẽ hình tròn cũng được gọi là គំប៉ា (compa). Kính ape (កែវអ៊ែប) là một dạng vật chất có đặc tính cứng, và dễ vỡ được hình thành tự nhiên từ đá hoặc được nhân tạo bằng cách tinh luyện hỗn hợp cát với kim loại Liti ở nhiệt độ cao; kính ape có độ sáng chiếu nên được người gọi là ngọc (កែវ - keβ) - ngọc ape (កែវអ៊ែប - keβ abe). Kính ape được dùng để làm liền các vết gãy, thủng của gỗ. Trong điêu khắc gỗ, người ta cũng dùng đến một loại nguyên liệu được gọi là ទឹកស្រង់កេអូ (tik saen te au). Đây là một dạng vật chất dạng lỏng nên được gọi là nước ទឹក (tik). Nước này khi được sơn lên các sản phẩm điêu khắc gỗ làm cho nó trông mịn màng hơn, có màu sắc đẹp hơn.

4.2. Định danh họa tiết

4.2.1. Gọi tên họa tiết theo vật được tạo tác

Về tên gọi của các họa tiết được tạo tác trong nghề điêu khắc gỗ trong tiếng Khmer, người ta thường gọi tên các họa tiết theo tên của các vật được tạo tác.

Trong các họa tiết được điêu khắc, có một họa tiết được gọi là ក្បាច់ភ្លើង (kbec p'leɲ). ក្បាច់ភ្លើង (kbec p'leɲ) trong tiếng Khmer có nghĩa là họa tiết lửa. Sở dĩ họa tiết này được gọi là họa tiết lửa vì được điêu khắc cách điệu ngọn lửa đang rực cháy.



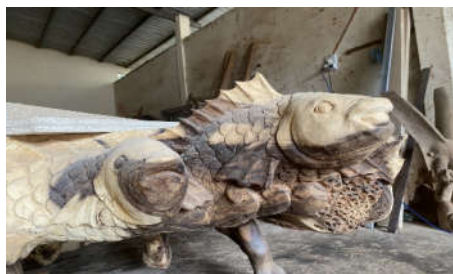
ក្បាច់ភ្លើង (kbec p'leɲ)
họa tiết lửa

Họa tiết tạo tác mô phỏng hoa cũng được gọi là họa tiết hoa. Họa tiết hoa tiếng Khmer gọi là ក្បាច់ផ្កា (kbec pka). ក្បាច់ (kbec) có nghĩa là họa tiết, ផ្កា (pka) có nghĩa là hoa. Theo những nghệ nhân điêu khắc gỗ ở chùa Hang (Trà Vinh), ក្បាច់ផ្កា (kbec pka) được dùng để điêu khắc trang trí trên ghế dùng cho nhà sư thượng tọa khi thuyết pháp. Vì ក្បាច់ផ្កា (kbec pka) có vẻ đẹp cao quý, trang trọng.



ក្បាច់ផ្កា (kbec pka)
họa tiết hoa

Tương tự, họa tiết tạo tác con vật là cá thì gọi là họa tiết cá - ក្បាច់ត្រី (kbec trei), họa tiết tạo hình chim đại bàng thì gọi là họa tiết đại bàng - ក្បាច់ត្បាញ (kbec imtri).



ក្បង់ត្រី
(kbec trei)
họa tiết cá



ក្បង់គន្ធី
kbec imtri
họa tiết
chim đại
bàng

Các họa tiết mô phỏng cánh hoa sen, cây ốt cũng được gọi tên theo phương thức này. Họa tiết mô phỏng cánh hoa sen được gọi là គ្របកណ្តុក (p^hni t'robok c^huk), trong đó, គ្រ (p^hni) có nghĩa là họa tiết, ប្រកណ្តុក (t'robok c^huk) nghĩa là cánh hoa sen. Họa tiết mô phỏng cây ốt thì được gọi là ភ្នំម្តេស (p^hni mteh) và ម្តេស (mteh) nghĩa là ốt.



គ្របកណ្តុក
(p^hni t'robok
c^huk)
họa tiết mô
phỏng cánh
hoa sen



ភ្នំម្តេស
(p^hni mteh)
họa tiết mô
phỏng cây ốt

Bên cạnh những họa tiết mô phỏng những vật thật có trong cuộc sống, các họa tiết trong điêu khắc gỗ của người Khmer còn mô phỏng những con vật theo trí tưởng tượng của dân gian như long, lân, phụng. Và tên các họa tiết cũng được đặt theo tên các con vật hoặc các bộ phận của con vật. Chẳng hạn, họa tiết mô phỏng đầu rồng thì gọi là ក្បង់ស្រកាណា (kbec kbal nizk); họa tiết mô phỏng đuôi rồng thì gọi là ក្បង់ត្រី (kbec keptui nizk); họa tiết mô phỏng những chiếc vây rồng thì gọi là ស្រកាណា (kbec prin nizk).



ក្បង់ស្រកាណា
(kbec Sroka
nizk)
họa tiết mô
phỏng đầu rồng



ក្បង់ត្រី
(kbec prin
nizk)
họa tiết mô
phỏng vây
của con
rồng



ក្បង់ត្រី (kbec
keptui nizk)
họa tiết mô
phỏng đuôi
của con
rồng

4.2.2. Gọi tên họa tiết theo xuất xứ

Trong các họa tiết điêu khắc gỗ, có một loại họa tiết mà theo những người làm nghề, họ cho rằng họa tiết này có xuất xứ từ nghệ thuật điêu khắc ở Angkorwat. Vì vậy, họa tiết này có tên gọi là ក្បង់អង្គរ (kbec angkor). Đây là một họa tiết truyền thống lâu đời trong nghệ thuật điêu khắc Khmer.



ក្បង់អង្គរ
(kbec angkor)
họa tiết Angkor

4.2.3. Vay mượn tên của ngôn ngữ khác

Bốn con vật cao quý, linh thiêng trong bộ tứ linh là long, li, quy, phụng. Cả bốn con vật này cũng có trong quan niệm dân gian Khmer và cũng có tên Khmer lần lượt là: long - នាគ (nizk), ly - មុស្តាសាយ

(munṣai), quy - អណ្តើក (ondeak), phụng ហង្ស (hōng). Tuy nhiên, khi điêu khắc bộ tứ linh này, người trong nghề điêu khắc gỗ Khmer Trà Vinh cũng gọi tên các linh vật này là long - lân - quy - phụng tức đã gọi theo tiếng Việt (mà trong tiếng Việt, đây là những từ gốc Hán).



នាក់ (niak): long



មុន្នាយ (munṣai): lân



អណ្តើក (ondeak): quy

5. Kết luận

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, số lượng từ ngữ thuộc nghề điêu khắc gỗ ở Trà Vinh không nhiều. Các từ thuộc nghề này chủ yếu để biểu thị các dụng cụ và các sản phẩm của nghề điêu khắc gỗ. Còn các thao tác của quá trình điêu khắc, khi chúng tôi phỏng vấn các nghệ nhân và các sư làm nghề thì gần như chưa thu thập được số lượng đáng kể các từ biểu thị. Các từ biểu thị công cụ và các từ biểu thị các họa tiết, sản phẩm điêu khắc tuy không quá phong phú, đa dạng nhưng đã thể hiện được nhiều phương thức định danh khác nhau. Điều này có thể hiểu là do nghề điêu khắc gỗ trong các chùa và các hộ gia đình ở Trà Vinh còn khá non trẻ, mới được hình thành, phát triển trong ít năm gần đây. Con đường truyền nghề chủ yếu thông qua bắt chước, học hỏi lẫn nhau từ người này qua người khác nên có nhiều thao tác được truyền cho nhau thông qua con đường quan sát, bắt chước lẫn nhau nên không nhất thiết phải có tên gọi cho từng thao tác điêu khắc. Về các họa tiết được tạo tác tuy rất tinh xảo nhưng cũng không quá đa dạng, phong phú. Các sản phẩm điêu khắc chủ yếu là các tạo tác về hoa, chim đại bàng, họa tiết lửa, rồng, các linh vật trong bộ tứ linh,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng Canh (2010), “Qua khảo sát từ chỉ nghề nông ở Nghệ Tĩnh suy nghĩ về mối quan hệ giữa từ nghề nghiệp với phương ngữ và ngôn ngữ toàn dân”, Kỷ yếu Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc, ĐH KHXH&NV, Hà Nội.
2. Hoàng Trọng Canh (2013), “Qua khảo sát từ nghề biển Thanh - Nghệ Tĩnh, suy nghĩ về việc thu thập và nghiên cứu từ nghề nghiệp”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 9.
3. Đỗ Hữu Châu (2004), *Giáo trình từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm.
4. Nhiều tác giả (1985), *Nghề, làng nghề thủ công truyền thống Nghệ An*, Nxb Nghệ An.
5. Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên) (2005), *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Thiện Giáp (1996), *Từ và nhận diện từ*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb KHXH.

Identifying methods of the wood carving in Khmer language of Tra Vinh province

Abstract: Some pagodas and households in Tra Vinh are engaged in wood carving. The practitioners include monks from the pagodas and skilled artisans. The terms related to the profession of wood carving are identified through various methods: identifying tools based on shape, function, and usage; identifying patterns based on the created object, origin, borrowing names from other languages. Therefore, the word sculpture in Khmer Tra Vinh is an interesting class of words with very high expressive value, worthy of research to be more widely disseminated, contributing to adding to the common Khmer language.

Key words: terms related to the profession; wood carving; identifying methods; Tra Vinh; Cave Pagoda; Ba Mi Pagoda.